ANA Cargo

<u>輸出貨物搬入先一覧表</u>

【羽田発アジア・オセアニア・中国便】

NRT搬入(RFS転送)HNDフライト貨物

便到着地	搭揮	使便	名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
GMP			NH865	16:10			
SGN	NH8053 STD		NH891	17:45			
PEK	11:50	→	NH963	17:20			
PVG	※RFS転送		NH971	18:35			
GMP	NH8055 STD 16:00 ※RFS転送	→	NH867	20:05		Mr-df-dL1°.	
PVG			NH967	22:15	全て	第7貨物ビル	第7貨物ビル
SYD	NH8027		NH879	22:20			
CGK	STD18:00 ※RFS転送	_	NH871	0:05			
KUL			NH885	0:05			
BKK	NH8047		NH849	0:05			
BKK	STD 20:00	\rightarrow	NH877	0:55			
SIN	※RFS転送		NH843	0:40			
GMP			NH861	8:40			
PEK			NH961	8:55			
HKG			NH859	9:25			
SYD			NH889	8:40			
CAN			NH923	9:10	1		
MNL			NH869	9:35	-		
DEL	NH8067		NH837	10:15	-		
TAO	STD	_	NH949	9:45	— 全て	第7貨物ビル	第7貨物ビル
SHA	02:00 ※RFS転送		NH969	10:05		お/貝物にル	お/貝物にル
TSA	XKL2#TV		NH851	9:20	-		
CGK					_		
			NH855	10:20	_		
BKK			NH847	11:00	_		
VVO			NH1945	11:00	_		
SIN			NH841	10:55			
TSA			NH853	13:20			
【羽田発米国便】							
JFK			NH110	10:20			
IAH	NH8063 STD 02:00	_	NH114	10:25			
ORD	※RFS転送		NH112	10:40			
IAD			NH102	9:45			
SEA	NH8055		NH118	21:15			
YVR	STD	→	NH116	21:55	全て	第7貨物ビル	第7貨物ビル
HNL	16:00 ※RFS転送		NH186	22:15			
LAX			NH126	20:55	_		
LAX	NH8027 STD 18:00	→	NH106	22:55			
SFO	18:00 ※RFS転送		NH108	22:55			
【羽田発欧州便】		_			· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·		
FRA			NH223	11:15	_		
LHR	NH8059		NH211	11:30	_ l		
CDG	STD 02:00 ※RFS転送	_	NH215	11:40	全て	IACT/第4貨物ビル 108上屋	IACT/第4貨物ビ ル
MUC			NH217	12:30	_ l	100工庄	108上屋
FRA	NH8061 STD 20:00	→	NH203	0:50	」 Ⅰ		
VIE	STD 20:00 ※RFS転送		NH205	1:20			

NRT搬入NRTフライト貨物

(国便 <u>)</u> 便 到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
IAD	NH002	10:50(水・金・日) 17:00(月・火・木・土)			
IAH	NH174	10:45(水・金・日) 16:50(月・火・木・土)			
MI	NH9654	14:20			
JFK	NH010	16:40			
MEX	NH180	16:50	1		
	NH006	17:00	1		
1.437	NH9178	14:00	1		
LAX	NH9640(※1)	15:00			
	NH9642(※1)	22:20	1		
	NH008	17:00	1	第7貨物ビル	
SFO	NH9644(※1)	20:25 19:20(土曜日のみ)	全て		第7貨物ビル
	NH012	17:05			
	NH8402	16:05 10:05(金曜日のみ)			
	NH8550 (※1)	11:15	1		
ORD	NH8548(※1)	18:50	1		
	NH9172	12:45	1		
	NH9640(※1)	13:30	1		
	NH9650(※1)	10:15	1		
SEA	NH8532	21:15	1		
	NH184	20:10	1		
HNL	NH182	21:30	1		

(※1)臨時便運航

【欧州便】

便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
BRU	NH231	10:55			
BKU	NH237	9:05	全て	第4貨物ビル108号室	第4貨物ビル108号室
FRA	NH9655	14:20		(IACT B棟)	(IACT B棟)
FRA	NH8405	11:50	Ī		

NH8475	23:15	LDR/貨物	【LOOSE】 ⇒ 第1貨物ビル102号室	
		LDR/1	【INTACT】 貨物 ⇒ 第7貨物ビル	
NH805	18:40			1
NH8507	20:00			
NH8533	15:50			
NH8539	20:05			
NH8543	7:15		[LOOSE]	
NH8545	20:35	LDR/貨物		
NH9899	15:30	I DR/1		
NH833	21:50(火·木) 23:00(月·水·金·土·日)	2010 3	(M) M (M)	
NH957	9:15			
NH955	18:20			
NH8527	9:15			
NH8511	20:40			
NH8513	11:10			
NH8541	9:35 10:00(土曜日)			第7貨物ビル
NH9177	10:50			
NH811	18:30			
NH9895	8:55			弗/貝彻□
NH9645	7:50			
NH935	10:05			
NH8515	11:00	-		
	_	_		
			[LOOSE]	
		LDR/貨物		
			[INTACT]	
	_	LDR/1		
NH819 NH835	17:55			
	NH8507 NH8533 NH8539 NH8543 NH8543 NH8545 NH9179 NH9899 NH833 NH957 NH955 NH8527 NH8511 NH8513 NH8541 NH9177 NH811 NH9895 NH9645 NH935 NH9645 NH935 NH9645 NH935 NH8515 NH927 NH8427 NH8427 NH8427 NH929 NH8529 NH903 NH8501 NH925 NH817 NH815 NH817 NH8595 NH819	NH805 18:40 NH8507 20:00 NH8533 15:50 NH8539 20:05 NH8543 7:15 NH8545 20:35 NH9179 18:30 NH9899 15:30 NH9899 15:30 NH9857 9:15 NH955 18:20 NH8527 9:15 NH8511 20:40 NH8513 11:10 NH8513 11:10 NH8541 9:35 10:00(土曜日) NH9177 10:50 NH811 18:30 NH9895 8:55 NH9645 7:50 NH985 10:05 NH8515 11:00 NH927 9:50 NH8515 11:00 NH927 9:50 NH8515 11:00 NH927 9:50 NH8427 22:30 NH929 10:15 NH8529 23:15 NH903 10:10 NH903 10:10 NH8501 12:25 NH903 10:10 NH8501 12:25 NH903 10:10 NH8595 18:50 NH997 18:40 NH9175 20:50 NH897 18:40 NH815 17:15 NH813 12:00 NH829 11:05 NH817 16:30 NH829 11:05 NH819 17:55	NH8475 23:15 NH805 18:40 NH8507 20:00 NH8533 15:50 NH8543 7:15 NH8545 20:35 NH9179 18:30 NH9899 15:30 NH9899 15:30 NH957 9:15 NH955 18:20 NH8511 20:40 NH8513 11:10 NH8513 11:10 NH8541 9:35 10:00(土曜日) NH9177 10:50 NH811 18:30 NH9895 8:55 NH9645 7:50 NH935 10:05 NH8515 11:00 NH8515 11:00 NH8516 7:50 NH8517 9:15 NH8518 10:05 NH8519 10:05 NH810 10:05 NH8511 10:00 NH811 18:30 NH9895 NH9895 NH9895 NH9895 NH9897 10:15 NH8599 10:15 NH8599 10:15 NH903 10:10 NH8501 12:25 NH903 10:10 NH8501 12:25 NH967 18:40 NH815 17:15 NH817 16:30 NH819 17:55	NH8475 23:15 LDR/貨物 ⇒ 第1貨物ビル102号室

(※1)臨時便運航

(※2)HKG経由CAN向けは第1貨物ビル102号室へLDR/貨物搬入願います

【中国便/アジア・オャアニア便】

便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
	NH919	9:10			
	NH959	13:45			
	NH921	18:35			
PVG	NH8403	23:15	全て	第7貨物ビル	
	NH8431	22:00			
	NH8433	9:30	1		
	NH8517	22:40	1		
	NH801	18:20			
	NH8411	17:30	I DR/貨物	【LOOSE】 ⇒ 第4貨物ビル302号室	
SIN	NH8535	17:55	【INTACT】 LDR/貨物 ⇒ 第7貨物ビル		第7貨物ビル
	NH9893	16:40 16:10(日曜日のみ)			
	NH823	17:30			
	NH8441	9:20	1		
TPE	NH9647	8:15			
	NH8537	10:10 10:20(月曜日のみ)			
PER	NH881	11:10	全て	第7貨物ビル	
MAA	NH825	11:10	1		
CTU	NH947	17:25	1		
	NH933	9:30	1		
CAN (※2)	NH8489	20:35	1		
	NH8455	20:35	1		

- (※1)臨時便運航
- (※2)HKG経由CAN向けは第1貨物ビル102号室へLDR/貨物搬入願います (※3)6月2週目から、出発時間が曜日ごとに変更となります。

【カスタマー航空会社】

【カハノ・ 加土五位					
便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
YVZ <ac></ac>	AC004 AC7284	18:30			
TPE 	BR197	14:15	+ * -	***	15452
IPE \ DK >	BR195	20:20	すべて	第/	/貨物ビル
TAS <hy></hy>	HY528	11:05			
TAO <sc></sc>	SC2408	19:05			
TNA <sc></sc>	SC2410	21:45			

【NCA部分買取便:205券面対象】

便到着地	搭載便名	出発時刻	曜日	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先	
LAX	KZ108	10:20	火,木,日	【LOOSE】 LDR/貨物 ⇒ 第7貨物ビル 【INTACT】 LDR/貨物 ⇒ NCA 南部第5.第6ビ		[LOOSE]	
JFK	KZ160	23:10	金,土				
DFW	KZ168	10:15	±	2510 92 13	ル	第7貨物ビル 【INTACT】	
BKK	KZ235	22:30	火,木	LDR/貨物 ⇒	-OOSE】 第1貨物ビル102号室	NCA 南部第5,第6ビル 事務棟	
BKK	KZ263	22:30	金		NTACT】 NCA 南部第5,第6ビ ル		
AMS	KZ008	23:30	火,水,金,日				
AIVIS	KZ018	10:30	В	[Loose]		[Loose]	
PVG(%3)	KZ225	10:40 9:50 9:40	火,木,金,日 水 土	LDR ⇒ No 貨物 ⇒ No 【II	LDR ⇒ NCA 南部第5ビル 貨物 ⇒ NCA 南部第2ビル 【INTACT】	NCA 南部第5ビル事務棟	
	KZ227	22:30 22:35	火,金,土 水	LDR/貨物 ⇒ NCA 南部第5,6ビル			
HKG	KZ203	21:00	毎日				

		ANA HND 国際上屋情報			
搬入上屋	第7貨物ビル (C7)	第1貨物ビル (102)	第4貨物ビル (302)	IACT-B棟 (108)	第2国際貨物ビル
住所	〒282-0021 千葉県成田市駒井野 字台ノ田2022-1 第7貨物ビル	〒282-0021 千葉県成田市駒井野字 天並野2131 第1貨物ビル102	〒282-0021 千葉県成田市駒井野字台ノ 田2071 第4貨物ビル 3階 302号室 ANA貨物ビル	〒282-0021 千葉県成田市駒井野 宇台ノ田2071 第4貨物ビル108号室 (IACT B棟)	〒144-0041 東京都大田区羽田空港2- 6-3 第2国際貨物ビル
連絡先	0476-31-6761	0476-32-7193	0476-31-6761	0476-32-8264	03-6700-2670
営業時間		6:30-23:00	6:30-22:00	6:00-24:00	
NACCS CODE		1MWU2	1MWUJ	1HWU4	

	NCA 上屋情報			
搬入上屋	南部第2ビル	南部第5,第6ビル		
住所	〒282-0012 千葉県成田市東三里 塚字中之台116番地1 成田空港南部貨物地 区 第2棟	〒282-0012 千葉県成田市東三里塚 宇岩之台121-2 南部第5,第6ビル		
連絡先	0476-29-5800	0476-29-5800		
営業時間	6:00-23:00	6:00-23:00		
NACCS CODE	1MWUB	1MWUB		